

Marcel Aymé

Vnthuquan.net, 2009.

Người đi xuyên tường

Dịch giả: Phùng văn Tửu

Nguyên tác Le Passe muraille



Ở Môngmactơơ, trên tầng ba nhà số 75 bis phố Orsăng, có một người kỳ diệu tên là Duytơon có tài năng đặc biệt đi xuyên qua được những bức tường chẳng khó khăn gì. Chàng mang một chiếc kính kẹp mũi, có một chòm râu cằm nhỏ nhỏ và là viên chức hạng ba ở Bộ Trước bạ. Về mùa đông, chàng đi đến sở bằng ô tô buýt và vào mùa đẹp trời, chàng cuốc bộ, đầu đội chiếc mũ nỉ cứng.

Duytơon vừa bước vào tuổi bốn mươi ba thì chàng phát hiện ra khả năng của mình. Một buổi tối, chợt xảy ra mất điện khi chàng đang ở gian trước của căn phòng độc thân nhỏ bé của mình, chàng mò mẫm một lúc trong bóng tối,

và khi điện sáng lại, thấy mình đang ở đầu thang gác của tầng ba. Vì cửa ra vào phòng khóa trái bên trong, sự việc xảy ra khiến chàng suy nghĩ, và bất chấp những lời quở trách của lý trí, chàng quyết định trở vào phòng như đã từ trong đó đi ra, bằng cách xuyên qua tường. Năng lực kỳ lạ ấy, dường như chẳng đáp ứng nguyện vọng nào của chàng, không khỏi làm cho chàng phiền lòng đôi chút, và hôm sau thứ bảy, tranh thủ tuần lễ Anh(1), chàng đi gặp một thầy thuốc khu phố để trình bày trường hợp của mình. Bác sĩ có tin là chàng nói thật, và sau khi xem xét, phát hiện ra nguyên nhân căn bệnh ở thành co thắt của tuyến giáp trạng bị cứng xoắn. Ông quy định cho chàng phải lao lực thật mệt mỏi ra và uống mỗi năm hai viên nhộng bột Piret hóa trị bốn, làm bằng hỗn hợp bột gạo và hooc-môn của con nhân mã.

Uống xong viên đầu tiên, Duytion cất thuốc vào trong ngăn kéo và không nghĩ đến nó nữa. Còn như lao lực thật mệt mỏi ra thì hoạt động viên chức của chàng được quy định theo lệ thường chẳng thích hợp với một sự quá độ nào, và những giờ nhàn rỗi, dùng vào việc đọc báo và sưu tập tem, cũng chẳng buộc chàng phải tiêu phí năng lượng quá đáng. Sau một năm, chàng vẫn giữ nguyên vẹn năng lực đi xuyên qua những bức tường, nhưng không sử dụng nó bao giờ, trừ trường hợp vô ý, vì chàng ít tò mò chuyện lạ và khó bị trí tưởng tượng lôi cuốn. Chàng cũng chẳng hề nảy ra ý nghĩ vào nhà bằng cách nào khác ngoài lối cửa và sau khi đã vặn chìa khóa mở cửa đúng quy cách. Có lẽ chàng sẽ sống trong những tập quán êm đềm ấy cho đến già và chẳng ngứa ngáy mang tài ra thử nghiệm nếu không đột xuất xảy ra một biến cố bất thường làm đảo lộn cuộc sống của chàng. Ông Murông, phó phòng của chàng, điều đi chức vụ khác, được thay thế bằng một ông tên là Lêquyê nói năng cộc lốc và ria mép lởm chởm. Ngay từ hôm đầu tiên, viên phó phòng mới đã tỏ ra hết sức không ưa Duytion, mang chiếc kính kẹp mũi có dây xà tích và một chòm râu cằm đen, và cố tình coi chàng như một vật cũ

kỹ khó chịu và hơi bần thủ. Nhưng điều nghiêm trọng nhất là ý chủ trương đưa vào trong sự vụ những cải cách có một tầm lớn lao và cốt ý phá rối sự yên ổn của nhân viên thuộc hạ. Từ hai mươi năm nay, Duytiơn bắt đầu những bức thư của chàng bằng thể thức sau đây: " Căn cứ vào bức thư đáng kính của ngài đề ngày... tháng này và, để ghi nhớ, vào sự trao đổi thư từ trước nữa của chúng ta, tôi hân hạnh báo để ngài biết..." Ông Lêquyê muốn thay bằng một thể thức khác có đáng đáp Mỹ hơn: "Để trả lời thư của ngài đề ngày..., tôi báo tin cho ngài biết..." Duytiơn không thể nào tập cho quen với những kiểu cách thư từ ấy. Chàng miễn cưỡng quay trở lại cách thức truyền thống, với một sự cố chấp máy móc, vì thế mà chuốc lấy mối ác cảm ngày càng tăng của viên phó phòng. Không khí của Bộ Trước bạ hầu như trở nên nặng nề đối với chàng. Buổi sáng, chàng đến sở làm với nỗi lo ngại, và buổi tối, nằm trong giường, nhiều khi chàng nghĩ ngợi đến một khắc đồng hồ rồi mới ngủ được.

Phát ngán về cái ý chí thụt lùi làm phương hại đến kết quả các cải cách của mình, ông Lêquyê đã tổng Duytiơn vào trong xó xinh tối lờ mờ, giáp với văn phòng của ông. Lối ra vào nơi ấy là một cái cửa vừa thấp vừa hẹp trông ra hành lang và vẫn còn mang dòng chữ in hoa: Kho đồ phế thải. Duytiơn đành lòng chấp nhận điều nhục nhã chưa từng có này, nhưng khi về nhà, đọc báo thấy có chuyện đâm máu vật vãnh nào đấy, chàng bắt giấc mơ tưởng ông Lêquyê là nạn nhân.

Một hôm, viên phó phòng xộc vào trong buồng kho, vung một lá thư và bắt đầu rống lên:

- Ông hãy mở đầu lại cho tôi cái giẻ lau này! Ông hãy mở đầu lại cho tôi cái giẻ lau góm guốc này, nó làm ô danh phòng của tôi!

Duytiơn muốn phân bua, nhưng ông Lêquyê, giọng oang oang, cho chàng là loài gián hủ lậu, và trước khi bỏ đi, y vò nát bức thư đang cầm trong tay

ném vào mặt chàng. Duytion là người khiêm tốn, nhưng kiêu hãnh. Còn lại một mình trong buồng kho, chàng bồn chồn đôi chút, và đột nhiên cảm thấy mình lóe ra một ý hay. Rồi ghé. Chàng đi vào trong bức tường ngăn cách bàn giấy của chàng với bàn giấy của viên phó phòng, nhưng chàng đi vào đó một cách thận trọng, sao cho chỉ cái đầu của chàng nhô ra phía bên kia. Ông Lêquyê đương ngồi ở bàn làm việc, chuyển dịch một dấu phẩy trong văn bản của một viên chức đưa trình ông duyệt, bằng ngọn bút vẫn đương tức bực, thì nghe thấy có tiếng ho trong phòng. Ngược mắt lên, ông hãi hùng không sao tả xiết phát hiện thấy cái đầu của Duytion, dán vào tường như kiểu một chiến lợi phẩm săn bắn. Và cái đầu ấy sống động. Qua chiếc kính kẹp mũi có dây xà tích, nó phóng vào ông một cái nhìn căm hờn. Đã thế, cái đầu còn lên tiếng.

-Thưa ông, nó nói, ông là một tên khốn nạn, một kẻ lố mãng và một tay vô lại.

Há hốc mồm ra vì khủng khiếp, ông Lêquyê không sao rời được mắt khỏi bóng ma hiện hình đó. Thế rồi, bứt mình khỏi ghế bành, ông nhẩy phốc ra hành lang và chạy đến tận buồng kho. Duytion, quần bút cầm tay, đương ngồi ở chỗ thường ngày của chàng với một dáng điệu lặng lẽ và chuyên cần. Viên phó phòng nhìn chàng hồi lâu, rồi sau khi lấp bắp vài lời, quay trở về văn phòng của mình. Ông vừa ngồi xuống thì cái đầu lại xuất hiện trên tường.

-Thưa ông, ông là một tên khốn nạn, một kẻ lố mãng và một tay vô lại.

Chỉ riêng trong ngày hôm ấy, cái đầu dễ sợ xuất hiện hai mươi ba lần trên tường, và những ngày tiếp theo, với cùng nhịp độ như vậy, Duytion, được phần nào dễ chịu với cái trò chơi ấy, không còn thỏa mãn nữa với việc chửi rủa viên phó phòng. Chàng thốt ra những lời dọa nạt bí ẩn, chẳng hạn kêu lên bằng một giọng rầu rĩ, điềm theo những tiếng cười thật sự ma quái:

- Garu!Garu! Con ma garu!(cười) Ổn lạnh buốt da!Garu, lu-ga-ru!(cười)(2). Nghe thấy thế, viên phó phòng khốn khổ tái mét thêm một chút, ngọt ngọt thêm một chút, tóc dựng đứng trên đầu và sau lưng vã mồ hôi lạnh khủng khiếp. Ngày đầu tiên, ông gầy đi một ki-lô(3). Trong tuần lễ tiếp theo, không kể người sút đi trông thấy, ông còn sinh thói quen ăn canh bằng phuộc-set và chào cảnh sát theo kiểu nhà binh. Đầu tuần lễ thứ hai, một chiếc xe cứu thương đến tìm ông tại nhà và đưa ông vào bệnh viện.

Đuytion, được giải thoát khỏi sự hà khắc của ông Lêquyê, lại có thể trở về với những công thức yêu dấu của mình: " Căn cứ vào bức thư đáng kính của ngài đề ngày mấy tháng này..." Tuy thế, chàng không thỏa mãn. Một cái gì đó thôi thúc trong con người chàng, một nhu cầu mới, gay gắt, nó chính là nhu cầu muốn đi xuyên qua tường. Chắc chắn chàng có thể làm điều đó thoải mái, chẳng hạn ở nhà chàng, và dĩ nhiên chàng đã thực hiện. Nhưng người có được những tài năng xuất sắc không thể nào bằng lòng mãi với việc đem chúng ra thi thố trên một vật tầm thường. Và lại, đi xuyên qua tường không thể tạo thành một mục đích tự thân. Đó là xuất phát của một cuộc phiêu lưu, phải có tiếp tục, có khai triển và, tóm lại, có thưởng công. Đuytion hiểu rõ như thế lắm. Chàng cảm thấy ở chàng có một nhu cầu, một niềm ước vọng tăng dần mãi lên muốn tự thực hiện mình và tự vượt mình, và phảng phất một nỗi khắc khoải mơ hồ giống như có tiếng gọi phía sau tường. Khốn thay, chàng thiếu một mục đích. Chàng đọc báo để tìm gợi ý, đặc biệt những mục chính trị và thể thao, theo chàng có vẻ đó là những hoạt động danh giá, nhưng cuối cùng hiểu rõ chúng chẳng mở ra triển vọng gì cho những người đi xuyên qua tường, chàng liền hướng tới những mục tin vật tỏ ra thuộc loại khơi gợi tốt nhất.

Vụ trộm đầu tiên Đuytion nhúng tay vào xảy ra trong một ngân hàng tín dụng lớn ở bên hữu ngạn(4). Sau khi đi xuyên qua khoảng mười hai lần

tường và vách ngăn, chàng thâm nhập vào những kết sắt khác nhau, nhét đầy các giấy bạc vào túi, và trước khi tháo lui, dùng phấn đỏ ghi biệt hiệu Garu-Garu, với một chữ ký tắt rất đẹp hôm sau được tất cả các báo đăng lại. Sau một tuần lễ, cái tên Garu-Garu ấy trở nên hết sức lừng danh. Thiện cảm của công chúng hoàn toàn hướng về phía gã ăn trộm kỳ tài trên người cảnh sát đến thế là cùng. Mỗi đêm chàng lại nổi danh bằng một chiến công mới gây thiệt hại cho một nhà ngân hàng, hoặc một hiệu vàng bạc hoặc một tư gia giàu có. Ở Pa-ri cũng như ở các tỉnh, chẳng có người phụ nữ nào hơi mộng mơ một chút mà lại không nhiệt thành mong muốn cả thể xác lẫn tâm hồn thuộc về Garu-Garu dễ sợ. Sau vụ lấy cắp viên kim cương danh tiếng của Buyêđigala(5) và vụ trộm ở Ngân hàng thành phố xảy ra trong cùng một tuần, lòng hâm mộ của quần chúng đạt tới độ cuồng nhiệt. Bộ trưởng bộ Nội vụ phải từ chức, kéo theo bộ trưởng bộ Trước bạ cùng rút theo. Trong khi đó, Duytion, trở thành một trong những người giàu có nhất Pa-ri, vẫn luôn luôn đứng giờ giấc ở phòng làm việc và người ta đề nghị tặng chàng huy chương. Buổi sáng, ở bộ Trước bạ, niềm thích thú của chàng là được nghe các bạn đồng nghiệp bình luận về các chiến công của mình đêm qua. “Anh chàng Garu-Garu ấy, họ nói, là một người phi thường, một siêu nhân, một thiên tài”. Nghe thấy những lời ngợi khen như thế, Duytion đỏ dừ vì ngượng, và đằng sau chiếc kính kẹp mũi có dây xà tích, ánh mắt của chàng long lanh triu mến và biết ơn. Một hôm, bầu không khí thiện cảm ấy khiến chàng tin cậy đến mức nghĩ rằng không thể giữ điều bí mật lâu hơn nữa. Với một chút rụt rè còn sót lại, chàng nhìn các bạn đồng nghiệp quây quần chung quanh tờ báo tường thuật vụ trộm ở Ngân hàng Pháp quốc, và tuyên bố bằng một giọng khiêm tốn: “Các ông biết chứ, Garu-Garu chính là tôi”. Một chuỗi cười hô hô và không dứt chào đón điều thổ lộ của Duytion, người ta nhạo báng tặng chàng biệt hiệu Garu-Garu. Buổi chiều, vào giờ tan tầm ở bộ,

chàng là đối tượng đùa cợt của bè bạn mãi không thôi và thấy cuộc sống hình như kém tươi đẹp.

Mấy ngày sau, Garu-Garu để cho một toán cảnh sát đi tuần đêm tóm được trong một hiệu kim hoàn ở phố LaPe. Chàng đã ký tên lên quỳ thu tiền vừa hát một bài ca chúc rượu vừa dùng một bình rượu lớn bằng vàng khối đập phá hàng loạt tủ kính. Chàng rất có thể dễ dàng đi xuyên vào trong tường và thể thoát tay bọn tuần đêm, nhưng hiển nhiên là chàng muốn bị bắt và có lẽ mục đích duy nhất là muốn làm cho các đồng nghiệp của chàng phải chung hững, vì chàng đã khổ nhục bởi họ không chịu tin mình. Quả thật, bọn họ ngạc nhiên hết sức khi các báo chí ngày hôm sau đăng trang nhất ảnh của Đuytơn. Họ tiếc cay tiếc đắng đã hiểu lầm ông bạn thiên tài của họ và tỏ lòng tôn kính chàng bằng cách để mọc chòm râu cằm nho nhỏ. Một vài người bị nổi ân hận và lòng thần phục lôi cuốn, còn toan đánh thố ví tiền hoặc chiếc đồng hồ gia dụng của bè bạn và người quen biết.

Chắc hẳn người ta sẽ đánh giá việc chàng để cho cảnh sát bắt cốt làm cho mấy bạn đồng nghiệp kinh ngạc là hết sức nông nổi, không xứng đáng với một con người phi thường, nhưng động cơ minh bạch của ý chí có vai trò gì mấy đâu trong một quyết định như thế. Từ bỏ tự do, Đuytơn tưởng là để thỏa ước vọng trả thù ngạo nghễ, nhưng thực ra chỉ là trượt trên cái dốc số mệnh của chàng mà thôi. Đối với một người đi xuyên qua tường, nếu không ít nhất một lần ném mùi tù ngục, thì tài ba cũng chẳng được thi thố là bao.

Khi Đuytơn bước vào nhà tù Xăngtê, chàng có cảm giác được số phận nuông chiều. Bề dày của những bức tường là một điều khoái trá thực sự đối với chàng. Ngay sau hôm chàng bị tổng giam, những tên cai ngục sừng sốt phát hiện thấy tù nhân đã đóng cái đinh trên tường xà lim và treo vào đấy chiếc đồng hồ bằng vàng vốn là của giám đốc trại giam. Chàng không thể hoặc không muốn tiết lộ cái đồ vật ấy lọt vào tay chàng như thế nào. Chiếc

đồng hồ được trả lại cho chủ của nó và hôm sau lại thấy ở đầu giường Garu-Garu cùng với tập một Ba người ngự lâm pháo thủ mượn ở tủ sách của viên giám đốc. Nhân viên nhà tù Xăngtê mệt lử. Các lính canh ngục còn than phiền là bị những cú đá vào đít mà không giải thích được chúng xuất phát từ đâu. Hình như tường không có tai nữa mà có chân. Garu-Garu bị giam được một tuần thì giám đốc nhà tù Xăngtê một buổi sáng bước vào phòng làm việc thấy trên bàn lá thư sau đây:

“Thưa ngài giám đốc. Căn cứ vào cuộc trò chuyện của chúng ta ngày 17 tháng này và, để ghi nhớ, vào những điều chỉ bảo tổng quát của ngài ngày 15 tháng Năm năm ngoái, tôi hân hạnh báo để ngài biết tôi vừa đọc xong tập hai Ba người ngự lâm pháo thủ và tôi dự định vượt ngục đêm nay khoảng từ mười một giờ hai mươi năm đến mười một giờ ba mươi năm. Tôi xin ngài, thưa ngài giám đốc, vui lòng chấp nhận biểu hiện lòng kính trọng sâu xa của tôi. Garu-Garu”.

Mặc dầu đêm ấy bị canh phòng nghiêm ngặt, Duyệtion vượt ngục lúc mười một giờ ba mươi. Tin đó đến với công chúng sáng hôm sau làm dậy lên khắp nơi một niềm phấn khởi ghê gớm. Tuy vậy, sau khi thực hiện một vụ trộm mới khiến cho tiếng tăm nổi như cồn, Duyệtion dường như ít quan tâm đến việc lẩn trốn và lai vãng qua Môngmactơơ chẳng đề phòng gì. Ba ngày sau khi vượt ngục chàng bị bắt ở phố Côlanh tại tiệm rượu Mơ mộng, lúc gần trưa, khi đương uống rượu vang trắng vắt chanh với các bè bạn.

Bị dẫn trở lại Xăngtê và giam trong ngục tối với ba lần cửa khóa then cài, Garu-Garu trốn thoát ngay tối hôm đó và ngủ tại nhà viên giám đốc, trong phòng dành cho bạn bè. Sáng hôm sau, khoảng chín giờ, chàng bấm chuông gọi u già mang điếm tâm đến và để cho bọn cai ngục hót hơ hót hải tằm cỏ ngay trên giường, không hề chống cự. Tức giận, viên giám đốc đặt một trạm gác ở trước cửa ngục của chàng và phạt chàng ăn bánh nhạt. Khoảng đến

trưa, người tù đi dùng bữa tại một quán ăn ở bên cạnh nhà tù và, sau khi uống cà phê xong, gọi điện thoại cho viên giám đốc.

-Alô! Thưa ngài giám đốc, tôi ngưng ngưng quá, nhưng ban này, lúc đi ra, tôi quên mang theo ví tiền của ngài, nên bây giờ chẳng có xu nào ở quán ăn. Ngài vui lòng cử ai đó tới thanh toán tiền ăn cho tôi được chứ?

Viên giám đốc đích thân chạy tới và nổi trận lôi đình đến mức thốt ra những lời đe dọa và chửi rủa. Bị tổn thương đến lòng kiêu hãnh, Duiyton vượt ngục đêm hôm sau không trở lại nữa. Lần này, chàng cẩn thận cạo đi chòm râu cằm đen và thay chiếc kính kẹp mũi có dây xà tích bằng cặp kính đòi môi. Một chiếc mũ cát-ket thể thao và bộ quần áo bằng vải kẻ ô vuông to với chiếc quần chần gối hoàn toàn làm cho chàng thay đổi hình dạng. Chàng tới ở trong một gian nhà nhỏ tại đại lộ Giuynô mà ngay từ trước lần bị bắt đầu tiên, chàng đã cho chuyển đến một phần đồ đạc và những vật dụng thân thiết nhất đối với chàng. Tiếng tăm lừng lẫy bắt đầu làm chàng mệt mỏi và từ ngày ở Xăngtê, chàng hơi ngán niềm thích thú đi xuyên qua tường. Những bức tường dày nhất, đồ sộ nhất nay dường như chỉ là các tấm bình phong đơn giản đối với chàng, và chàng ước mơ xuyên thấu vào tận trung tâm một kim tự tháp khổng lồ nào đấy. Trong khi nghiền ngẫm dự án cuộc hành trình sang Ai-cập, chàng sống những ngày êm đềm nhất, hết sưu tập tem lại xem phim và đi rong chơi la cà qua Môngmactơơ. Chàng thay hình đổi dạng hoàn toàn đến nỗi, cằm nhẵn nhụi và mắt đeo kính đòi môi, chàng đi ngay bên cạnh những người bạn thân nhất mà không ai nhận ra. Duy chỉ có họa sĩ Gien Pôn (6), mà không một nét đổi thay nào xảy ra trên khuôn mặt người dân cư trú lâu năm trong khu phố thoát khỏi mắt ông, cuối cùng đã biết rõ gốc tích thật sự của chàng. Một buổi sáng chạm trán với Duiyton ở góc phố Abrovoa, ông không nhận được mà đã nói với chàng bằng thứ tiếng lóng sù sì:

-Nè, tớ biết là cậu đã phết nước màu để thuốc bọn có-m- trong ngôn ngữ thông thường đại khái nghĩa là: tớ biết là cậu đã cải trang thành người lịch sự để làm chung hứng cho bọn nhân viên an ninh.

-Ồ! Duytion thì thâm, cậu đã nhận ra tớ!

Chàng đâm ra bối rối và quyết định mau mau khởi hành sang Ai Cập. Ngay chiều hôm ấy, chàng phải lòng một giai nhân tóc hung gặp hai lần ở phố Lopic cách quãng nhau một khúc đồng hồ. Thế là chàng quên luôn bộ sưu tập tem với Ai Cập và những kim tự tháp. Về phía mình, cô nàng tóc hung cũng đã nhìn chàng với nhiều thiện cảm. Chẳng có gì gọi cảm cho các thiếu phụ đời nay bằng những chiếc quần chần gối và đôi kính gọng đồi mồi. Cái đó có đáng đáp tài tử xi-nê và làm cho người ta mơ đến những tiệc rượu cô-tay và những đêm Caliphoocni. Rủi thay, Duytion được Gien Pôn cho biết người đẹp đã kết hôn với một gã đàn ông tàn bạo và cả ghen. Ông chồng đa nghi ấy lại sống cuộc đời bê tha phóng đảng, đêm nào cũng để vợ ở nhà từ mười giờ tối đến bốn giờ sáng, nhưng trước khi ra đi, hắn thận trọng nhốt vợ trong buồng, vặn hai vòng chìa, các cửa chớp đều đóng và khóa chặt. Ban ngày, hắn giám sát vợ chặt chẽ, thậm chí theo gót vợ trong các phố xá ở Môngmactorơ.

- Lúc nào cũng để tai để mắt, thế đấy. Đó là một thằng cha du côn đếch chịu ai xờ múi gì của hắn.

Nhưng lời mách bảo ấy của Gien Pôn chỉ đưa đến kết quả làm cho Duytion sôi lên sùng sục. Hôm sau, gặp người thiếu phụ ở phố Tôlôdê, chàng không ngần ngại theo chân nàng vào một cửa hiệu bơ sữa, và trong lúc nàng đợi đến lượt mua hàng, chàng bảo nàng là chàng yêu nàng, là chàng biết hết: anh chồng vũ phu, cửa ra vào khóa và những cửa chớp, nhưng chàng sẽ vào trong buồng của nàng ngay tối hôm ấy. Cô nàng tóc hung đỏ dừ mặt, bình định sữa run lên bần bật trong tay và, đôi mắt rơm rớm thân thương, nàng

khẽ thở dài: "Chao ôi! Thưa ông, vào thế nào được".

Buổi tối cái ngày rạng rỡ ấy, khoảng mười giờ, Duytion đứng chực sẵn trong phố Norvanh và giám sát bức tường bao quanh kiên cố, bên trong là một ngôi nhà nhỏ mà chàng chỉ nhìn thấy cái chong chóng báo hướng gió và chiếc ống khói. Một cánh cửa mở ra trong bức tường ấy và một người đàn ông, sau khi khóa cửa cẩn thận, đi xuôi về phía đại lộ Giuynô. Duytion đợi cho tới khi thấy hắn đi khuất hẳn, rất xa, ở chỗ dốc ngoặt, lại còn đếm thêm từ một đến mười. Rồi chàng lao tới, tiến bước đi vào tường và tiếp tục chạy xuyên qua các vật cản, vào tận trong buồng của người đẹp bị cầm cố. Nàng đón tiếp chàng say sưa ngây ngất và họ yêu nhau cho đến một giờ khuya. Hôm sau, Duytion nhức đầu như búa bổ. Cái đó chẳng quan trọng và chàng sẽ chẳng vì chuyện cón con mà lỡ cuộc hẹn hò. Tuy nhiên, tình cờ phát hiện thấy những viên con nhộng vương vãi dưới đáy một chiếc ngăn kéo, chàng nuốt sáng một viên, chiều một viên. Tối đến, đỡ nhức đầu hơn, alì thêm niềm hứng khởi khiến chàng quên chúng đi. Thiếu phụ đợi chàng với tất cả nỗi sốt ruột mà những ký ức đêm qua đã làm nảy sinh ở nàng và họ yêu nhau, đêm ấy, đến tận ba giờ sáng. Lúc ra về, khi đi xuyên qua các vách ngăn và tường nhà, Duytion cảm thấy có sự cọ sát bất thường ở hai bên háng và vai. Tuy nhiên chàng thiết nghĩ chẳng cần phải để tâm làm gì. Chỉ đến khi đi xuyên vào trong bức tường bao quanh, chàng mới thấy rõ rệt cảm giác bị cản lại. Chàng như cựa quậy trong một vật thể còn lỏng, nhưng nó trở thành nhão sệt và mỗi lần chàng ráng sức, nó lại dẻo quánh thêm. Khi đã dẫn được người hoàn toàn vào trong bề dày của những bức tường, chàng nhận thấy không tiến lên được nữa và khiếp đảm nhớ đến hai viên thuốc nhộng uống trong ngày. Những viên nhộng ấy, mà chàng tưởng là thuốc cảm, thực ra là bột piret hóa trị bốn của bác sĩ kê thuốc năm trước. Hiệu lực của chất thuốc ấy cộng với hiệu quả của lao lực thái quá bộc lộ ra một cách đột ngột.

Đuytion như đông cứng lại ở trong tường. Hiện nay chàng vẫn còn ở đấy, lẫn vào trong đá. Những người hay đi chơi đêm khi xuôi phố Norvanh vào giờ huyên náo của Pari đã lắng xuống, nghe thấy một âm thanh mơ hồ như từ dưới mồ vọng lên mà họ tưởng là tiếng gió thở than thổi ở các ngã ba ngã tư của Gò (7). Đó là Garu-Garu Đuytion than vãn cuộc đời vẻ vang đã kết thúc và luyến tiếc mối tình quá ngắn ngủi. Có những đêm đông, họa sĩ Gien Pôn tháo cây đàn ghi-ta xuống, mạo hiểm dấn bước vào chốn hiu quạnh âm vang của phố Norvanh để ca hát an ủi người tù khốn khổ, và những tiếng đàn vút lên từ các ngón tay tê cóng của ông thấm vào tận lòng đá như những giọt sáng trắng.

Chú thích

(1) nghỉ ngày thứ 7 và chủ nhật

(2) Nguyên văn: *Garou!garou! Un poil de loup!(rire). Il rôde un frisson à décorner tous les hiboux (rire). Nghĩa là: Ma chó sói!ma chó sói! Một cái lông chó sói! (cười). Một con lạnh vật vờ đến làm rụng sừng tất cả những con cú (cười). Tôi dịch thoát để giữ âm điệu.*

(3) Nguyên văn: *livre (nửa ki-lô)*

(4) *Hữu ngạn sông Seine*

(5) *Buyêđigala(Burdigala)* là tên cũ của thành phố Bordeaux, theo chú thích của L.Vindt trong Marcel Aymé: *Contes et nouvelles, Tiến bộ., Maxcova, 1967. Các chú thích trong sách này phần nhiều là dựa vào tài liệu ấy.*

(6) *Gen Paul* là bút danh của họa sĩ hiện đại Pháp Eugène Daub(sinh năm 1895), bạn của Marcel Ayme.

(7) *Gò Môngmactoro.*

Marcel Aymé

Ôxca và Êric

Dịch giả: Phùng văn Tửu

Nguyên tác :Oscar et Erik

Ba trăm năm trước đây, có một gia đình họa sĩ dòng họ Ôngiecxon sống ở xứ Ôôclan và chỉ vẽ các kiệt tác. Tất cả đều trứ danh và được tôn kính, danh tiếng của không vượt qua biên giới chẳng qua chỉ vì vương quốc Ôôclan ở hẻo lánh tận miền cực Bắc, không giao thiệp với nước nào khác. Các tàu bè của nó chỉ ra khơi để đánh cá hoặc săn bắn, và tất cả những chiếc nào tìm đường đi về phương Nam đều va phải những dãy đá ngầm vỡ tan.

Ông già Ôngiecxon, họa sĩ đầu tiên của dòng họ, có mười một con gái và bảy con trai, tất cả đều có năng khiếu về hội họa. Mười tám anh em Ôngiecxon đó đều làm nên sự nghiệp, được hưởng ân bổng, được quý chuộng, được thưởng huân chương, nhưng chẳng ai có con cái. Ông già phôi truệu khi thấy cái dòng họ mà ông tốn bao công sức xây dựng nên đương tàn lụi đi như thế, nên năm tám mươi lăm tuổi cưới con gái của một người săn gấu và sinh được một cậu con trai đặt tên là Hanx. Sau đó, ông chết thanh thản.

Được mười tám anh chị dạy bảo cho, Hanx trở thành một họa sĩ phong cảnh tuyệt diệu. Chàng vẽ thông, bạch dương, đồng cỏ, tuyết, hồ, thác nước, và vẽ chân thật đến mức Chúa tạo những cảnh vật ấy trong tự nhiên như thế nào

thì chúng cũng xuất hiện trên tranh làm vậy. Đứng trước những bức tranh vẽ phong cảnh tuyết của chàng, chẳng ai là không thấy lạnh bàn chân. Thậm chí có chú gấu non đứng trước một trong những bức tranh của chàng thể hiện cây thông, đã tưởng làm đến nỗi định leo lên cành.

Hanx Ôngiecxon lấy vợ và có hai con trai. Êric, anh con cả, chẳng bộc lộ một chút năng khiếu nghệ thuật nào. Chàng chỉ mơ săn gấu, hải cẩu, cá voi và rất mê đi biển. Vì vậy, chàng làm cho cả nhà, nhất là cha chàng thất vọng, bị cha coi là đồ gián mối, đồ đầu ngựa biển. Trái lại, Ôxca, kém anh một tuổi, lại tỏ ra ngay từ thời thơ ấu là một nghệ sĩ phi thường, có sự cảm thụ và bàn tay tài nghệ độc nhất vô song. Mới mười hai tuổi, chú đã vẽ những tranh phong cảnh làm cho tất cả họ Ôngiecxon phải ghen tị. Những cây thông và cây bạch dương của chú còn chân thật hơn của cha và đã được trả cao giá kinh khủng.

Tuy có những sở thích hết sức trái ngược, hai anh em chẳng vì thế mà kém thương mến nhau. Những lúc không đi đánh cá hoặc săn bắn, Êric chẳng rời xưởng vẽ của em và Ôxca chỉ cảm thấy hoàn toàn sung sướng khi ở bên anh. Hai anh em gắn bó với nhau đến mức chẳng có niềm vui nỗi buồn nào của người này mà người kia không cảm thấy như chính bản thân mình.

Đến mười tám tuổi, Êric đã là một thủy thủ cừ khôi và tham gia vào tất cả những chuyến ra khơi xa đánh cá qui mô. Niềm mơ ước của chàng là vượt qua những dãy đá ngầm chúng sẽ mở ra cho chàng các vùng biển phương Nam. Chàng thường đem chuyện đó ra nói với em và chú em lo sợ cho chàng khi nghĩ đến những nỗi gian nguy của một cuộc hành trình như thế. Tuy mới mười bảy tuổi, Ôxca đã trở thành một bậc thầy. Cha chàng tự hào tuyên bố là chẳng còn gì để dạy chàng nữa. Nhưng bỗng nhiên nhiệt tình đối với hội họa ở nhà nghệ sĩ bậc thầy trẻ tuổi xem ra không còn được như xưa. Đáng lẽ vẽ những tranh phong cảnh tuyết vời, chàng lại bằng lòng với các

bức phác thảo nguệch ngoạc trên những tờ giấy rời vẽ xong là xé đi ngay. Các họa sĩ Ôngiecxon còn lại mười lăm người hết sức lo lắng liền họp nhau lại để thăm dò chàng. Thay mặt cho tất cả, cha chàng hỏi:

- Con trai yêu quý của cha, con đã ngán hội họa rồi sao?

-Ồ! Không, thưa cha, con yêu nó hơn bất cứ bao giờ.

- Thế thì hay lắm. Cha cứ nghĩ hay cái thằng Êric to thộn kia có lúc nào đấy đã làm cho con không thiết gì vẽ nữa? A!lạy chúa, nếu cha mà biết!

Ôxca tức giận thấy người ta lại có thể ngờ vực anh mình như thế và chàng phân trần là không bao giờ lại vẽ tốt như khi có mặt ông anh.

-Thế thì? Hẳn là con mơ tưởng một mối tình nào đấy?

-Xin cha thứ lỗi cho con, Ôxca đáp và cúi gằm mặt xuống. Và cả các cô các bác nữa, cũng xin thứ lỗi cho con. Nhưng chúng ta là nghệ sĩ với nhau cả mà. Vậy xin thưa là con thấy nhiều phụ nữ, nhưng chưa có ả nào làm cho con rung động.

Cả mười lăm Ôngiecxon cười ầm lên và lớn tiếng trao đổi những lời bông đùa nhảm nhí vốn là truyền thống của các họa sĩ ở Ôôclan.

- Hãy trở lại câu chuyện của chúng ta, người cha bảo. Nói đi con, Ôxca, và hãy cho gia đình biết còn thiếu thốn cái gì cho sự thư thái của con hay không. Và nếu con có điều chi ước vọng, con đừng giấu giếm gia đình.

- Vâng, thưa cha, con xin cha để cho con sử dụng căn nhà của cha trên miền núi Rohang trong một năm. Con muốn lui về sống biệt lập tại đây. Con nghĩ rằng con sẽ làm việc tốt hơn ở nơi heo hút đó, nhất là nếu cha cho phép anh con đến ở cùng với con.

Cha chàng vui lòng chấp thuận và thế là ngay hôm sau, Ôxca và Êric ngồi xe trượt tuyết lên miền núi Rohang. Suốt trong năm ấy, gia đình Ôngiecxon nhắc nhiều đến những người vắng mặt, và nhất là đến Ôxca."Rồi đấy cả nhà xem, cha chàng bảo, rồi đấy cả nhà xem, nó sẽ mang về những điều kỳ diệu.

Tôi tin chắc là nó đương ôm ấp một ý tưởng ở trong đầu". Một năm sau, đúng vào ngày các con ông ra đi, ông cũng lên đường và sau cuộc hành trình kéo dài một tuần lễ, ông đến căn nhà của ông trên miền núi Rohang. Ôxca và Êric nhìn thấy cha từ xa, đã đợi sẵn ở ngưỡng cửa, và theo phong tục cổ truyền, một người nâng chiếc áo mặc trong nhà lót bằng da chó sói, còn người kia bung một khay phổi hải cẩu hơi bốc nghi ngút. Nhưng người cha hầu như không kịp để thời giờ ăn món phổi, vì ông còn vội đi thưởng thức các tranh phong cảnh của Ôxca.

Bước vào trong xưởng vẽ, thoát tiên ông đứng lặng người đi vì khủng khiếp. Trên tất cả các bức tranh trải ra những vật có hình thù phi lý, kỳ quái, tô màu xanh lá cây như muốn nói rằng đây là loài thực vật. Một số các quái vật ấy được cấu tạo bằng một tập hợp những tai gấu khổng lồ, màu xanh lục, lởm chởm những gai. Một số khác giống như những cây nến và những giá nến có nhiều nhánh. Trông đỡ chướng hơn, mặc dầu cũng phi lý, có lẽ đó là tranh vẽ những cây nến có vảy trông như cao vút, trên ngọn nở ra thành một chùm lá, mỗi lá dài ít nhất một sải tay.

- Những vật ghê tởm gì thế kia? Ông bố rít lên.

- Dạ, thưa cha, Ôxca đáp, những cái cây đấy ạ.

- Sao? Những cái cây, hử?

- Thực tình, con vẫn e ngại cái lúc phải đưa cha xem tranh của con và con hiểu rằng nó sẽ làm cha ngạc nhiên đôi chút. Nhưng bây giờ tự nhiên hiện ra trước mắt con như thế đấy và cả cha và con đều chẳng làm sao khác được.

- Cái đó sau sẽ hay! Thế ra chính là để dẫn thân vào những trò đồi bại này mà anh đã muốn rút vào sống ở trong núi phải không? Xin anh trở về nhà cho tôi nhờ. Còn anh, Êric, thì lại là chuyện khác!

Một tuần lễ sau, hai chàng thanh niên cùng với cha về đến nhà. Mười lăm họa sĩ Ôngiecxon được mời xem tác phẩm mới của Ôxca. Hai trong số đó

hoảng hồn lẫn đùng ra chết còn những người khách nhất trí là phải thi hành những biện pháp kiên quyết. Đối với Êric bị nghi ngờ là làm hư hỏng thi hiếu của em trai, người ta quyết định để chàng đi xa trong hai năm. Chàng thanh niên trang bị một con tàu và dự tính vượt dãy đá ngầm để thám hiểm những vùng biển phía bên kia. Trên bến tàu, sau những lời từ biệt âu yếm hòa lẫn những giọt lệ của mình với nước mắt của em trai, Êric bảo em:

- Chuyến này chắc anh sẽ vắng nhà nhiều năm ròng rã, nhưng chú cứ vững tin và đừng bao giờ quên rằng cái đích cuộc hành trình của anh là trở về với chú.

Đối với Ôxca, gia đình Ôngiecxon quyết định giam chàng trong xưởng vẽ cho tới khi nào chàng tìm lại được cái thú vẽ đứng đắn. Chàng chấp nhận những quyết định ấy chẳng hề cãi lại, nhưng bức tranh phong cảnh đầu tiên chàng thực hiện lại là một bụi cây tai gấu, và thứ hai là một bức phối cảnh những giá cắm nến trên nền cát. Chẳng những không quay trở về cách nhìn lành mạnh hơn đối với tự nhiên, mà càng ngày chàng càng dần sâu thêm vào cái phi lý, và căn bệnh dường như vô phương cứu chữa.

- Nay, một hôm cha chàng bảo, ít ra con cũng phải hiểu rằng những bức tranh của con là một sự xúc phạm đến hội họa. Người ta không có quyền vẽ những cái gì mắt không nhìn thấy.

- Nhưng, Ôxca đáp, nếu Chúa trước kia chỉ sáng tạo ra những cái Chúa nhìn thấy, thì Chúa đã chẳng bao giờ sáng tạo được gì.

- A! Con chỉ còn thiếu có nước triết lý nữa thôi! Khổ thân con tôi, đấy là xưa nay trước mắt con chẳng có gì khác ngoài những tấm gương sáng! Ôxca, thế khi con nhìn thấy cha vẽ một cây bạch dương, một cây thông... Xét cho cùng, con nghĩ gì về tranh của cha?

- Xin cha lượng thứ cho con.

- Không sao, con cứ nói với cha thẳng thắn đi.

- Vâng, thẳng thắn mà nói, con thấy nó đáng đem quăng vào lửa.

Hanx Ôngiecxon giữ được bình tĩnh, nhưng mấy hôm sau, lấy có con trai dùng tốn quá nhiều củi để sưởi, ông tổng cổ chàng ra khỏi nhà, một xu cũng không cho. Với ít tiền có trong người, Ôxca thuê một túp lều ở ngoài cảng và dọn đến ở đấy với hộp thuốc vẽ. Từ đó, chàng bắt đầu một cuộc sống khốn khổ. Để kiếm kế sinh nhai, chàng làm công việc bốc dỡ hàng trên các tàu và những lúc rảnh rang tiếp tục vẽ các tai gấu, các giá cắm nến và các chổi lông cán dài.

Chẳng những tranh của chàng không bán được mà còn làm trò cười cho thiên hạ. Tính chất phi lý trong tranh của chàng thật là quá lắm. Tình trạng khốn đốn năm này qua năm khác càng trầm trọng thêm. Người ta gọi chàng là Ôxca Điên. Trẻ con nhỏ nước bọt vào lưng chàng, các cụ già ném đá vào chàng và các cô gái ngoài bến cảng làm dấu thánh giá khi chàng đi qua.

Một hôm vào ngày mười bốn tháng bảy, tiếng đồn lan truyền khắp bến cảng và thành phố. Người gác vọng lâu vừa cho biết là một chiếc tàu có nhiều boong, mũi tàu vàng rực, cánh buồm đỏ thắm đương vào bến. Chưa bao giờ thấy một chiếc tàu như thế ở Ôôclan. Các nhà chức trách của thành phố ra đón được biết rằng đó là chiếc tàu của Êric trở về sau mười năm xa vắng đi vòng quanh thế giới. Nghe tin ấy, gia đình Ôngiecxon lập tức rẽ đám đông đến tận chỗ tàu cập bến. Mặc một chiếc quần cộc bằng xa tanh lam, một cái áo thêu kim tuyến và đội chiếc mũ ba sừng, Êric đặt chân lên bờ ngay trước mặt cả nhà Ôngiecxon và cháu mảy:

- Con không thấy Ôxca em con đâu- chàng nói với cha đương tiến đến ôm hôn chàng. Ôxca đâu?

- Cha không rõ- cha chàng đỏ mặt đáp. Cha và em con giận nhau.

Trong khi đó, một người mặc quần áo rách như xơ mướp mặt mày hốc hác, từ trong đám đông cố lách ra được.

- Êric- người ấy nói- em là Ôxca em trai anh đây.

Êric vừa ôm ghì lấy em vừa khóc, và khi đã phần nào dịu cơn xúc động, chàng nghiêm nét mặt quay về phía các vị Ôngiecxon:

- Các cố già ơi, em tội mà chưa chết vì đói khát cùng cực thì cũng chẳng phải công lao của các người đâu.

- Biết làm thế nào, các vị Ôngiecxon nói, chỉ cần hấn vẽ cho đứng đắn.

Chúng tao đã trao vào tay hấn một nghề nghiệp vững vàng mà hấn lại cứ khăng khăng vẽ những tranh phong cảnh phi lý và lố bịch.

- Thôi im đi các cố già ơi, và nên nhớ là chẳng có họa sĩ nào vĩ đại hơn Ôxca đâu.

Các cố già bắt đầu cười khẩy một cách độc ác. Êric liền quay về phía các thủy thủ đang đứng ở dưới tầu, ra lệnh:

- Các cậu mang những cây xương rồng, chà là, chuối, chuối dẻ quạt, thốt nốt, xương rồng lông lên đây.

Thế là, trước sự kinh ngạc của mọi người, các thủy thủ đem đặt trên bến những cái cây trồng trong thùng gỗ, đó là những mẫu cây giống hệt những cây Ôxca vẽ. Các cố già tròn tròn xoe mắt và có nhiều cố òa lên khóc vì giận dữ và bực mình. Quần chúng quỳ sụp xuống và xin Ôxca tha lỗi vì đã gọi chàng là Ôxca Điên. Chỉ hôm trước hôm sau, tranh của các cố già Ôngiecxon mất giá trị hoàn toàn. Những người có khiếu thẩm mỹ chẳng thích gì ngoài những cây xương rồng và những cây ngoại lai khác. Hai anh em cho xây một ngôi nhà rất đẹp để cùng ở với nhau. Họ lập gia đình, và mặc dầu ai nấy đã có vợ, họ vẫn tiếp tục thương yêu nhau thắm thiết. Ôxca vẽ những cái cây càng ngày càng kỳ lạ hơn, những cái cây chưa ai biết đến và có lẽ chẳng tồn tại ở bất cứ nơi nào.

Đánh máy: Nguoimesach
Nguồn: Nguoimesach - VNthuquan - Thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 18 tháng 12 năm 2006